TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK MIL** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số:20/2021/DS-ST
Ngày 02/4/2021
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lại Hồng Duy.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Tịnh và bà Phạm Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Thế Toàn - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông **tham gia phiên tòa**: Bà Ngô Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 242/2020/TLST-DS, ngày 14 tháng 10 năm 2020,về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXX- DS ngày 26 tháng 2 năm 2021 và Quyết đinh hoãn phiên tòa số 12/2021/QĐST-DS, ngày 17/3/2021; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà T, có mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

- *Bị đơn*: Ông N, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã A, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông A, có mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 05/10/2020, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà T trình bày :

Bà T có bán vật liệu xây dựng từ năm 2006 cho đến nay. Đầu năm 2019, ông N có thỏa thuận về việc mua bán vật liệu xây dựng với bà T, cụ thể:
- Cát xây dựng thành tiền 170.000.000 đồng.
- Xi măng xây dựng thành tiền 250.000.000 đồng.
- Sắt xây dựng thành tiền 145.000.000 đồng.

- Đá xây dựng thành tiền 130.000.000 đồng.

Nhưng không có giấy tờ chi tiết cụ thể về việc mua bán. Tổng số tiền ông N nợ là 695.000.000 đồng, ông N đã thanh toán được 568.000.000 đồng, còn nợ lại 127.000.000 đồng.

Đến ngày 16/1/2020, ông N và bà T có đối chiếu giấy tờ và sổ sách mua bán vật liệu xây dựng thì ông N còn nợ lại số tiền 127.000.000 đồng.

Hai bên có làm giấy tờ viết tay ngày 16/01/2020, về việc ông N còn nợ số tiền 127.000.000 đồng. Theo giấy viết tay ngày 16/01/2020, thì ông N có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền 127.000.000 đồng hoặc 80.000.000 đồng vào ngày 26/01/2020 và số còn lại trả vào ngày 28 âm lịch.

Nhưng đến thời hạn thanh toán trả tiền thì ông N chỉ mới thực hiện trả tiền với số tiền 40.000.000 đồng. Việc ông N đã trả nợ 40.000.000 đồng và có giấy viết tay giao nhận tiền, người nhận tiền 40.000.000 đồng và ký giấy là ông A (là chồng của bà T), giấy trả 40 triệu đồng hiện đang do ông N cầm, ngày tháng trả thì không nhớ. Bà T đã nhận đủ số tiền 40.000.000 đồng từ ông A. Như vậy, ông N còn nợ lại 87.000.000 đồng

Trong đơn khởi kiện, bà T cung cấp ông N có địa chỉ tại thôn Đ, xã M, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Đến ngày 24/12/2020, bà T cung cấp lại địa chỉ của ông N là ở Thôn Đ, xã A, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Hiện nay ông N đang còn nợ 87.000.000 đồng, không chịu thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên bà T, ba T khởi kiện và yêu cầu ông N phải trả số tiền nợ gốc 87.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả tiền từ tháng 03/2020 cho đến khi thanh toán xong nghĩ vụ trả nợ theo định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự. Bà T khởi kiện và chỉ yêu cầu một mình ông N phải có vụ nghĩa thanh toán nợ.

2. Bị đơn ông N: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông N vắng mặt không có lý do.

Sau khi bà T cung cấp lại địa chỉ của ông N tại Thôn Đ, xã A, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tiến hành xác minh tại Ban tự quản Thôn Đ, xã A, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông và kết quả xác minh: Ông N có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại Thôn Đ, xã A, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã kết hợp với Ban tự quản thôn Đ, xã A, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông tiến hành niêm yết (tại nhà anh N) các văn bản tố tụng đối với ông N.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông A, chồng bà T tình bày: Việc mua bán giữa ông N và bà T là việc riêng của bà T, ông A không có ý kiến gì. Mọi quyết định của bà T ông A đầu đồng ý và không khiếu nại hay khiếu kiện.

Trong tháng 02/2020, ông A có nhận từ ông N 40.000.00 đồng và đã giao đủ số tiền 40.000.000 đồng cho bà T. Khi nhận 40.000.000 đồng, ông A có viết giấy tay và ký xác nhận về việc nhận tiền và hiện đang do ông N cầm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa kiểm sát việc tuân theo pháp luật luật trong quá trình giải quyết vụ án xác định những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ quy định của pháp luật. Duy chỉ, có ông N không chấp hành theo quy định của pháp luật, cố tình vắng mặt không có lý do, ông N đã tự tước quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 23, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 144, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 430, Điều 440, của Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông N phải thanh toán 87.000.000 đồng, tiền lãi chậm trả tiền và chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Xét đơn khởi kiện của bà T, các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy đây là vụ án "Tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản". Bị đơn ông N có đăng ký hộ khẩu thường và sinh sống tại thôn Đ, xã A huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý và giải quyết vụ án "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" đúng thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, ông N đã được Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt ông N là đúng theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông N vắng mặt, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, cũng như đưa ra quan điểm để phản bác lại yêu cầu của nguyên đơn. Theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự *"Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc"*. Như vậy, Ông N phải chịu hậu quả về việc không đưa ra được và không đưa ra đủ chứng cứ để bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[3] Về nội dung: Ông N và bà T có giao dịch mua bán nguyên vật liệu xây dựng vào năm 2019, đến đầu năm 2020 giữa ông N và bà T đã đối chiếu công nợ, sổ sách và ông N còn nợ lại bà T tổng số tiền 127.000.000 đồng (*Một trăm hai mươi bảy triệu đồng*). Ông N đã viết và ký xác nhận vào giấy nợ vào ngày 16/1/2021 có đầy đủ chữ ký của ông N và bà T. Đến ngày 26/01/2021 trả hết hoặc 80.000.000 đồng, số còn lại đến ngày 28 âm lịch trả đủ.

Như vậy, giao dịch dân sự giữa bà T và ông N có ký xác nhận nợ, có thời hạn thanh toán, có đầy đủ chữ ký của ông N, đã thể hiện ý chí tự nguyện của các bên trong việc nhận nợ. Giao dịch dân sự giữa bà T với ông N là có thật.

[4] Ông N cam kết đến ngày 26/1/2021 trả hết hoặc trả 80 triệu và số còn lại ngày 28 âm lịch hết tiền cho bà T nhưng không thực hiện đúng cam kết. Khi đến hạn

thanh toán nợ, ông N mới trả được số tiền 40.000.000 đồng cho bà T, số còn lại ông N không trả là vi phạm thực hiện nghĩa vụ dân sự và nghĩa vụ trả tiền. Khoản 1 Điều 440 của Bộ Luật dân sự năm 2015 quy đinh *" Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng"*.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy công nhận hợp đồng mua bán tài sản giữa bà T và ông N theo giấy xác nhận công nợ ngày 16/1/2021. Về cơ bản nội dung các bên thỏa thuận là phù hợp với các quy định của pháp luật về hợp đồng mua bán tài sản nói riêng và hợp đồng dân sự nói chung.

Điều 430 của Bộ Luật dân sự năm 22015 quy đinh *"Hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán chuyển quyền sở hữu tài sản cho bên mua và bên mua trả tiền cho bên bán"*.

[6] Đối với yêu cầu Lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Bà T yêu cầu ông N phải chịu lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là 10%/năm, theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Khoản 3 Điều 440 của Bộ Luật dân sự năm 2015 quy đinh "*Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này*"

[6.1] Yêu cầu tính lãi suất của bà T là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Cụ thể như sau: từ tháng 03/2020 đến này xét xử là 13 tháng 02 ngày x 10%/năm x 87.000.000 đồng = 9.473.332 đồng *(Chín triệu bốn trăm bảy ba ngàn ba trăm ba mươi hai đồng)*.

[7] Từ những căn cứ, lập luận nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà T và ông N có nghĩa vụ thanh toán số tiền gốc 87.000.000 đồng(*Tám mươi bảy triệu đồng*) và tiến lãi đến ngày 02/4/2021 là 9.473.332 đồng *(Chín triệu bốn trăm bảy ba ngàn ba trăm ba mươi hai đồng)* cho bà T là có cơ sở. Từ ngày 03/4/2021, ông N phải tiếp tục chịu lãi suất theo khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự đối với số tiền gốc 87.000.000 đồng (*Tám mươi bảy triệu đồng*).

[8] Trong quá trình giải quyết, bà T chỉ yêu cầu mình ông N phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền theo giấy vay tiền. Vì ông N là người trực tiếp giao dịch và ký giấy nhận nợ. Nên yêu cầu của bà T là có cơ sở.

[9] Về án phí dân sự: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Án phí dân sự cụ thể như sau: 96.473.332 đồng x 5% = 4.823.666 đồng.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.175.000 đồng (*Hai triệu một trăm bảy mươi lăm ngàn đồng*) cho bà T, theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0003622, ngày 12/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

[10] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên toà là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 91, Điều 144, Điều 147; Điều 227; Điều 228 Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 278, 280, 351 352, 353, 357, 430,440 của Bộ luật dân sự năm 2015. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà T về "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

2. Buộc ông N phải thanh toán cho bà T số tiền gốc 87.000.000 đồng (*Tám mươi bảy triệu đồng*) và tiền lãi chậm trả tính đến ngày xét xử (ngày 02/4/2021, 13 tháng 02 ngày) là 9.473.332 đồng. Tổng số tiền là 96.473.332 đồng (*Chín mươi sáu triệu bốn trăm bảy mươi ba ngàn ba trăm ba mươi hai đồng*)

Từ ngày 03/4/2021, ông N tiếp tục chịu lãi suất theo khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự đối với số tiền nợ gốc là 87.000.000 đồng (*Tám mươi bảy triệu đồng*) do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Ông N phải nộp tiền án phí sơ thẩm là 4.824.000 đồng (*Bốn triệu tám trăm hai mươi bốn ngàn đồng*).

3.2. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.175.000 đồng (Hai triệu một trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) cho bà T, theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0003622, ngày 12/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

4. Về nghĩa vụ thi hành án: Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4.1. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà T có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ông N vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bán án niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Đắk Nông;
-VKSND huyện Đắk Mil;
-Chi cục THADS huyện ĐắkMil;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHÊN TÒA

Lại Hồng Duy